|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ GD&ĐT**  **Trường Đại học SPKT TP.HCM**  **Khoa CNMay & TT** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

**Ch­ương trình Giáo dục đại học**

**Ngành đào tạo: THIẾT KẾ THỜI TRANG**

**Chương trình đào tạo: THIẾT KẾ THỜI TRANG**

**ĐỀ C­ƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

**Tên học phần:** NHIẾP ẢNH **Mã học phần:** PPHO433452

1. **Tên Tiếng Anh:** Photography
2. **Số tín chỉ: 3 tín chỉ**

**Phân bố thời gian:** (2:1:6) (2 tiết lý thuyết + 1 tiết bài tập + 6 tiết tự học)

Thời gian học: 15 tuần (3 tiết/tuần)

1. **Các giảng viên phụ trách học phần**

1/ GV phụ trách chính: Nguyễn Văn Long

2/ Danh sách giảng viên cùng GD:

2.1/ Nguyễn Xuân Trà

2.2/ Phùng Tấn Dự

1. **Điều kiện tham gia học tập học phần**

Môn học tiên quyết: Vẽ mỹ thuật

Môn học trước: Vẽ mỹ thuật

Dụng cụ học tập: Máy ảnh KTS, máy vi tính

1. **Mô tả tóm tắt học phần**

Môn học giúp sinh viên hiểu được các kỹ thuật chụp ảnh cơ bản, phương pháp tạo hình cho người mẫu, cách lấy sắc độ, ánh sáng, xử lý ảnh... phục vụ cho việc thực hiện bộ ảnh trình bày các mẫu trang phục. Đây là môn học giúp người học phát triển kỹ năng bổ trợ cho việc thực hiện các đồ án thiết kế thời trang.

**Mục tiêu học phần**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Mục tiêu**  ***(Goals)*** | **Mô tả*(Goal description)***  *(Học phần này trang bị cho sinh viên:)* | **Chuẩn đầu ra CTĐT** |
| **G1** | Khả năng ứng dụng kiến thức nền tảng trong lĩnh vực nhiếp ảnh mỹ thuật, nhiếp ảnh chân dung và nhiếp ảnh thời trang, ... | **1.1; 1.2; 1.3** |
| **G2** | Khả năng định hướng nghề nghiệp; xây dựng thái độ học tập đúng đắn và nền tảng đạo đức nghề nghiệp. | **2.1;2.2;2.3; 2.4; 2.5** |
| **G3** | Kỹ năng giao tiếp tốt và làm việc nhóm hiệu quả. | **3.1; 3.2; 3.3** |
| **G4** | Khả năng tìm hiểu và đáp ứng được nhu cầu của xã hội và doanh nghiệp trong lĩnh vực nhiếp ảnh thời trang. | **4.1** |

1. **Chuẩn đầu ra của học phần**

| **Chuẩn đầu ra HP** | | **Mô tả**  *(Sau khi học xong môn học này, người học có thể:)* | **Chuẩn đầu ra CDIO** |
| --- | --- | --- | --- |
| **G1** | G1.1 | Nắm rõ các khái niệm liên quan đến nhiếp ảnh và thiết bị sử dụng trong nghệ thuật nhiếp ảnh. | 1.1 |
| G1.2 | Hiểu rõ mối tương quan trong các nguyên tắc của nhiếp ảnh áp dụng trong thiết kế thời trang. | 1.2 |
| G1.3 | Thực hiện được các kỹ thuật điều chỉnh độ nhạy sáng, khẩu độ và điều chỉnh tốc độ chụp. | 1.3 |
| **G2** | G2.1 | Nắm rõ và vận dụng thành thạo các qui tắc vàng trong nhiếp ảnh về bố cục và ánh sáng. Chụp được ảnh đẹp. | 2.1.1; 2.1.3; 2.1.5 |
| G2.2 | Phát triển, hiệu chỉnh thành ảnh poster, ảnh có giá trị thẩm mỹ cao; | 2.2.1; 2.2.3 |
| G2.3 | Có phương pháp làm việc khoa học, đúc kết kinh nghiệm để hình thành kỹ năng tư duy, lập luận; hình thành nhận thức về kỹ năng chụp ảnh, thiết kế, xử lý ảnh hài hòa cho việc quảng bá, quảng cáo sản phẩm thời trang. | 2.3.1 |
| G2.4 | Có tư duy sáng tạovề các trường phái nhiếp ảnh, ham tìm hiểu và học tập suốt đời; biết quản lý thời gian và nguồn lực | 2.4.2; 2.4.4; 2.4.6; 2.4.7 |
| G2.5 | Luôn cập nhật thông tin trong lĩnh vực nhiếp ảnh đặc biệt là nhiếp ảnh thời trang hiện đại. | 2.5.1; 2.5.2; 2.5.4 |
| **G3** | G3.1 | Có kỹ năng tự học tập, làm việc độc lập dưới áp lực cao cũng như khả năng tổ chức và làm việc nhóm hiệu quả. | 3.1.2 |
| G3.2 | Có kỹ năng giao tiếp hiệu quả bằng văn bản, điện tử và phát triển kỹ năng đàm phán với đối tác. | 3.2.3; 3.2.4; 3.2.6 |
| G3.3 | Có khả năng đọc hiểu các bài báo, thông tin về xu thế công nghệ nhiếp ảnh, xu thế thương mại hoá nhiép ảnh thời trang bằng tiếng Anh. | 3.3.1 |
| **G4** | G4.1 | Nhận thức được các tác động văn hóa xã hội đến nhiếp ảnh thời trang nói riêng và ngành Thiết kế thời trang nói chung, cập nhật những vấn đề và giá trị đương thời, từ đó hình thành quan điểm toàn cầu hóa. | 4.1.3; 4.1.4; 4.1.5; 4.1.6 |

1. **Tài liệu học tập**

[1] Bùi Minh Sơn - *Căn bản KỸ THUẬT NHIẾP ẢNH* - NXB Tổng hợp TP.HCM[

* ***Sách (TLTK) tham khảo***

[2] Trần Mạnh Thường – Nhiếp ảnh và cuộc sống – NXB Văn Hoá – 2003

[3] Lê Phước – Nhiếp ảnh phê bình và tiểu luận – NXB Thông Tấn - 2002

[4] Kathryn Hagen – Fashion Illustration for Designers, 2nd - Pearson Education - 2011

* ***Website***

www.vnphoto.net

www.dlp-preview.com

http://www.fashionphotography.com

http://digital-photography-school.com

1. **Đánh giá sinh viên:** 
   * Thang điểm 10
   * Kế hoạch kiểm tra như sau:

| **Hình thức KT** | **Nội dung** | **Thời điểm** | **Công cụ KT** | **Chuẩn**  **đầu ra KT** | **Tỉ lệ**  **(%)** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài tập** | | | | | **50** |
| **BT1** | Sưu tầm ít nhất 3 nguồn tài liệu tham khảo liên quan đến bộ môn nhiếp ảnh hiện đại. | Tuần 1 | Bài sưu tầm | **G2.2; G3.3** | 5 |
| **BT2** | Sưu tầm 3 bài viết về xu hướng chụp ảnh thời trang hiện nay. | Tuần 2 | Bài sưu tầm | **G1.1; G2.2; G2.4; G3.3; G4.1** | 5 |
| **BT3** | Viết báo cáo về kỹ thuật sử dụng máy ảnh, kỹ thuật hiệu chỉnh các thông số cơ bản: độ nhạy sáng ISO, khẩu độ (Aperture), tốc độ (Shutter Speed). | Tuần 3 | Bài viết | **G1.1; G2.2; G2.4; G2.5; G3.2; G3.3; G4.1** | 5 |
| **BT4** | Làm việc theo nhóm 2-3 sinh viên, thực hành sử dụng máy ảnh, chuẩn bị powerpoint trình bày các nguyên tắc vàng trong nhiếp ảnh, ứng dụng trong nhiếp ảnh thời trang. | Tuần 4 | Thuyết trình | **G1.1; G2.2; G2.3; G2.4; G2.5; G3.1; G3.2; G4.1** | 10 |
| **BT5** | Làm việc theo nhóm 2-3 sinh viên, thực hành chụp ảnh chân dung, ảnh phong cảnh, ảnh kiến trúc, ảnh sinh hoạt. | Tuần 5 | Sản phẩm file RAW hoặc JPG | **G2.4; G2.5; G3.3** | 5 |
|  | **Báo cáo cuối kỳ**  Làm việc theo nhóm 2-3 sinh viên, chọn ra 3 tấm ảnh đẹp nhất để báo cáo. Ảnh có thể được Retuoch bởi chính tác giả bằng phần mềm Photoshop. | Tuần 6 | Sản phẩm file RAW hoặc JPG | **G1.1; G2.2; G2.3; G2.4; G2.5; G3.1; G3.2; G3.3; G4.1** | 5 |

1. **Nội dung và kế hoạch thực hiện**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tuần** | **Nội dung** | **Chuẩn đầu ra học phần** |
| 1-3 | ***Chương 1: Tổng quan*** *(3/1/8)* |  |
| ***A/* Cácnội dung và PPGD chính trên lớp***: (4)*   * 1. Lịch sử nhiếp ảnh   2. Vị trí nhiếp ảnh trong đời sống   *Phương pháp giảng dạy:*  + Thuyết trình  + Thảo luận | G1.1; G1.2; G1.3 |
| ***Chương 2: Máy ảnh căn bản*** *(3/2/10)*  ***A/* Cácnội dung và PPGD chính trên lớp***: (5)*   * 1. Khái niệm   2. Phân loại máy ảnh   3. Các thuật nữ thường dùng trong nhiếp ảnh   *Phương pháp giảng dạy:*  + Thuyết trình  + Thảo luận |  |
| ***B/*Các nội dung cần tự học ở nhà**: *(18)*  **BT1**: Sưu tầm ít nhất 3 nguồn tài liệu tham khảo liên quan đến bộ môn nhiếp ảnh hiện đại.  **BT2**: Sưu tầm 3 bài viết về xu hướng chụp ảnh thời trang hiện nay. | G2.2; G3.3 |
| 4-6 | ***Chương 3: Ống kính máy ảnh*** *(3/1/8)* |  |
| ***A/*Tóm tắt các ND và PPGD chính trên lớp***: (4)*   1. Khái niệm 2. Cấu tạo 3. Phân loại 4. Vùng ảnh rõ 5. Kỹ thuật tháo, ráp ống kính   *Phương pháp giảng dạy:*  + Thuyết trình  + Thảo luận  + Làm việc nhóm | G1.2; G1.3; G2.3; G2.5; G3.1; G4.1 |
| ***Chương 4: Sử dụng máy ảnh*** *(3/2/10)*  ***A/*Tóm tắt các ND và PPGD chính trên lớp***: (5)*   1. Hiệu chỉnh các thông số cơ bản, ISO, khẩu độ, tốc độ, WB, Image quality, Picture Style 2. Các chế độ chụp ảnh thông dụng |  |
| ***B/*Các nội dung cần tự học ở nhà**: *(18)*  **BT3**: Viết báo cáo về kỹ thuật sử dụng máy ảnh, kỹ thuật hiệu chỉnh các thông số cơ bản: độ nhạy sáng ISO, khẩu độ (Aperture), tốc độ (Shutter Speed). | G1.1; G2.2; G2.4; G3.3; G4.1 |
| 7-8 | ***Chương 5: Ánh sáng và bố cục (4/2/12)*** |  |
| ***A/* Cácnội dung và PPGD chính trên lớp***: (6)*   1. Ánh sáng 2. Bố cục 3. Đèn chớp điện tử   *Phương pháp giảng dạy:*  + Thuyết trình  + Thảo luận | G1.1; G1.2; G2.3; G2.5; G3.1; G4.1 |
| ***B/*Các nội dung cần tự học ở nhà**: *(12)*  **BT4:**Làm việc theo nhóm 2-3 sinh viên, thực hành sử dụng máy ảnh, chuẩn bị powerpoint trình bày các nguyên tắc vàng trong nhiếp ảnh, ứng dụng trong nhiếp ảnh thời trang. | G1.1; G2.2; G2.4; G2.5; G3.2; G3.3; G4.1 |
| 9-10 | ***Chương 6: Các thể loại ảnh thông dụng (4/2/12)*** |  |
| ***A/* Cácnội dung và PPGD chính trên lớp***: (6)*   * 1. Anh kiến trúc   2. Ảnh phong cảnh   3. Ảnh sinh hoạt   4. Ảnh chân dung   *Phương pháp giảng dạy:*  + Thuyết trình  + Thảo luận  + Làm việc nhóm | G1.1; G1.2; G2.3; G2.5; G3.1; G4.1 |
| ***B/*Các nội dung cần tự học ở nhà**: *(12)*  **BT5**: Làm việc theo nhóm 2-3 sinh viên, thực hành chụp ảnh chân dung, ảnh phong cảnh, ảnh kiến trúc, ảnh sinh hoạt. | G1.1; G2.2; G2.3; G2.4; G2.5; G3.1;G3.2; G4.1 |
| 11-12 | ***Học thực tế ngoài trời*** *(3/3/12)* |  |
| ***A/* Cácnội dung và PPGD chính trên lớp***: (6)*   * Điều chỉnh các thông số ISO, khẩu độ, tốc độ, Picture Style và Image quality. * Sử dụng tiêu cự ống kính * Thực hành chụp các thể loại ảnh thông dụng   *Phương pháp giảng dạy:*  + Thuyết trình  + Thảo luận | G 1.1; G 1.2; G2.3; G2.5; G3.1; G4.1 |
| ***B/*Các nội dung cần tự học ở nhà**: *(12)*  **BT6**: Sử dụng phần mềm Photoshop thực hiện Retouch lại các file ảnh đã chụp để chuẩn bị cho bài báo cáo cuối khoá. | G2.4; G2.5; G3.3 |
| 13-15 | ***Chương 6: Các thể loại ảnh thông dụng (6/3/18) (tt)*** |  |
| ***A/* Các nội dung và PPGD chính trên lớp***: (9)*   * 1. Ảnh thời trang   *Phương pháp giảng dạy:*  + Thuyết trình  + Thảo luận | G1.1; G1.2; G2.3; G2.5; G3.1; G4.1 |
|  | ***B/*Các nội dung cần tự học ở nhà**: *(18)*  **BT6**: Sử dụng phần mềm Photoshop thực hiện Retouch lại các file ảnh đã chụp để chuẩn bị cho bài báo cáo cuối khoá. | G2.4; G2.5; G3.3 |

1. **Đạo đức khoa học:**

* Sinh viên không sao chép các báo cáo, bài viết của nhau.
* Các phần trích dẫn trong báo cáo, tiểu luận phải ghi rõ xuất xứ; tên tác giả và năm xuất bản.

1. **Ngày phê duyệt:** ngày /tháng /năm
2. **Cấp phê duyệt:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Trưởng khoa** | **Tổ trưởng BM**  **Hồ Thị Thục Khanh** | **Người biên soạn**  **Nguyễn Văn Long** |

1. **Tiến trình cập nhật ĐCCT**

|  |  |
| --- | --- |
| **Lần 1:** Nội Dung Cập nhật ĐCCT lần 1: Ngày….. tháng….. năm……. | **<**người cập nhật ký và ghi rõ họ tên>  Tổ trưởng Bộ môn: |
| **Lần 2:** Nội Dung Cập nhật ĐCCT lần 2: Ngày….. tháng….. năm……. | **<**người cập nhật ký và ghi rõ họ tên>  Tổ trưởng Bộ môn: |